

Bản án số: **04/2025/HNGĐ-ST**

Ngày 12 - 9 - 2025

*“ V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung khi ly hôn ”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Lan Anh;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hoàng Thị Thu Hiền;

2. Ông Triệu Đình Đường;

- Thư ký phiên tòa: Ông Ma Văn Chung - Thảm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 6 – Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Anh - Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Thái Nguyên xét xử công khai vụ án thụ lý số: 10/2025/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2025 về việc *“Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Hà Thị Hồng O**, sinh năm 2000;

Trú tại: Thôn B, xã T, tỉnh Nghệ An.

2. Bị đơn: Anh **Nông Văn T**, sinh năm 1997;

Trú tại: Thôn B, xã T, tỉnh Thái Nguyên.

(Đều vắng mặt có lý do, có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn xin ly hôn ngày 03 tháng 7 năm 2025 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Hà Thị Hồng O trình bày:

Về hôn nhân và tình trạng hôn nhân: Chị Hà Thị Hồng O kết hôn với anh Nông Văn T trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 28/9/2020 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn, nay là xã T, tỉnh Thái Nguyên và có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương.

Quá trình chung sống giữa hai vợ chồng thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc. Đến cuối năm 2021 thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do không hợp tính tình, quan điểm sống khác nhau, anh T mãi chơi, không quan tâm, lo lắng đến gia đình, vợ con dẫn đến kinh tế gia đình khó khăn, vợ chồng thường xuyên cãi vã,

chửi bới nhau. Mâu thuẫn kéo dài, liên tục nên từ năm 2021 chị O đã bỏ về nhà ngoại sống và sinh con tại Nghệ An đồng thời chị O và anh T sống ly thân từ đó cho đến nay, trong quá trình ly thân hai bên không hỏi thăm, quan tâm đến nhau, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng khiến hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị O xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị O được ly hôn anh Nông Văn T.

Về con chung: Chị Hà Thị Hồng O và anh Nông Văn T có 01 con chung là Nông Hoàng Đ, sinh ngày 17/01/2021. Sau khi ly hôn chị O đề nghị được nuôi con chung là Nông Hoàng Đ cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị O không yêu cầu anh Nông Văn T cấp dưỡng nuôi con chung. Chị O hoàn toàn đủ khả năng, điều kiện nuôi dưỡng con chung, hơn nữa hiện nay anh Nông Văn T đã đi làm ăn xa, thỉnh thoảng mới về nhà tại xã T nên không có thời gian chăm sóc và khả năng cấp dưỡng nuôi con chung, vì vậy việc chị O không yêu cầu cấp dưỡng là hoàn toàn tự nguyện.

Về tài sản chung, vay nợ chung:

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về vay nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại bản tự trình bày ý kiến của bị đơn Nông Văn T ngày 04/8/2025 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nông Văn T kết hôn với chị Hà Thị Hồng O trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn, nay là xã T, tỉnh Thái Nguyên ngày 28/9/2020 và có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương.

Quá trình chung sống giữa hai vợ chồng thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc. Đến cuối năm 2021 thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do không hợp tính tình, quan điểm sống khác nhau, vợ chồng thường xuyên cãi vã, chửi bới nhau do bất đồng quan điểm trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày. Mâu thuẫn kéo dài, liên tục nên chị O đã bỏ về nhà ngoại sinh con và hai mẹ con sinh sống tại Nghệ An từ năm 2021 dẫn đến hai vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, trong quá trình ly thân anh T, chị O không hỏi thăm, quan tâm đến nhau, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và không hàn gắn được tình nghĩa vợ chồng. Vì vậy anh T nhất trí và đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị Hà Thị Hồng O.

Về con chung: Hai vợ chồng có 01 con chung là Nông Hoàng Đ, sinh ngày 17/01/2021, cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường. Sau khi ly hôn anh Nông Văn T nhất trí giao con chung là Nông Hoàng Đ cho chị Hà Thị Hồng O nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Hà Thị Hồng O không yêu cầu anh Nông Văn T cấp dưỡng nuôi con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung:

- Về tài sản chung: Không có, không cầu Tòa án giải quyết.
- Về vay nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ xác định: Việc mâu thuẫn và sống ly thân giữa chị Hà Thị Hồng O và anh Nông Văn T là thực tế, đã diễn ra trong thời gian dài từ năm 2021 đến nay khiến hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

4. Tại phiên tòa:

* Các đương sự đều vắng mặt nên không có trình bày tại phiên tòa.
* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Thái Nguyên phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của đương sự, kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, nguyên đơn chấp hành đúng quy định các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn mặc dù đã được tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ nhiều lần nhưng không đến theo giấy triệu tập và có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải vì lý do đang đi làm ăn xa không thể về tham gia được. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án, đây là quan hệ tranh chấp “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Thái Nguyên theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, **Điều 228** Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Luật HNGĐ năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị Hồng O được ly hôn với anh Nông Văn T.

+ Về con chung: Giao cháu Nông Hoàng Đ, sinh ngày 17/01/2021 cho chị Hà Thị Hồng O trực tiếp nuôi dưỡng. Chị O không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con. Anh T có quyền đi lại thăm nom và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

+ Về nợ chung và tài sản chung: Không giải quyết do đương sự không yêu cầu.

+ Về án phí: Chị O chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành thông báo về việc thụ lý vụ án và tổng đạt hợp lệ đến bị đơn, đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đến các đương sự. Tuy nhiên, phiên công khai tiếp cận chứng cứ bị đơn vắng mặt và có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, vì vậy Tòa án không tiến hành hòa giải. Tại Bản trình bày ý kiến ngày 04/8/2025 của anh Nông Văn T xác định: Anh đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Thái Nguyên nhưng vì anh T đang đi làm xa không về giải quyết vụ án được nên anh Nông Văn T xin không tiến hành hòa giải và xin vắng mặt tại phiên tòa, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Ngày 12/9/2025, Tòa án đã mở phiên tòa để xét xử vụ án, chị Hà Thị Hồng O và anh Nông Văn T đều xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Về quan hệ hôn nhân và tình trạng hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Hà Thị Hồng O và anh Nông Văn T là quan hệ hôn nhân hợp pháp, sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống trong sinh hoạt hàng ngày, mâu thuẫn diễn ra trong một thời gian dài, khiến hai vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, chửi bới nhau, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Ngay sau khi kết hôn một thời gian ngắn thì chị Hà Thị Hồng O đã về nhà ngoại tại Thôn B, xã T, tỉnh Nghệ An sinh sống dẫn đến vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân hai bên không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, không hỏi thăm, không liên lạc nên tình cảm vợ chồng không hàn gắn được. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng khiến hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Kết quả xác minh về tình trạng hôn nhân tại địa phương: Ông Mai Đức T1 - Trưởng thôn Bản Còn, xã T và anh Trịnh Ngọc K - Bí thư chi đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh thôn B, xã T nơi chị Hà Thị Hồng O và anh Nông Văn T chung sống cùng những người thân của anh Nông Văn T và chị Hà Thị Hồng O là bà Nguyễn Thị Kim L mẹ đẻ của anh T và anh Nông Văn D (anh trai ruột của anh T), bà (Ngân Thị T2) mẹ đẻ chị O đã cho biết như sau: Tình trạng mâu thuẫn giữa chị O và anh T là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng chung sống với nhau không hạnh phúc trong một thời gian dài, dẫn đến vợ chồng phải sống ly thân từ ngay sau khi kết hôn cho đến nay, trong thời gian sống ly thân, chị O và anh T không liên lạc, hỏi thăm và không gặp mặt nhau để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Như vậy, phải khẳng định rằng quan hệ hôn nhân giữa chị O và anh T đã có nhiều mâu thuẫn xảy ra trong thời gian dài, ngày càng trầm trọng, đã ly thân, anh chị không còn tiếng nói chung, không có khả năng hàn gắn. Với tình trạng cuộc sống hôn nhân như trên là có vi phạm nghiêm trọng về quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, về tình nghĩa vợ chồng. Chị O và anh T không còn thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, không cùng nhau chia sẻ cuộc sống; Hôn nhân giữa chị O và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên cần thiết chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị O, cho chị O được ly hôn anh T.

2.2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Hà Thị Hồng O và anh Nông Văn T có 01 con chung là cháu Nông Hoàng Đ, sinh ngày 17/01/2021. Hội đồng xét xử xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án xác định con chung hiện đang sống chung với ông bà ngoại tại thôn B, xã T, tỉnh Nghệ An, chị Hà Thị Hồng O đi làm công nhân đến cuối tuần về nhà để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, trong thời gian sống ly thân chị O là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và đảm bảo cho con chung được phát triển lành mạnh, ổn định về mọi mặt. Đối với anh Nông Văn T tòa án đã triệu tập hợp lệ anh T nhiều lần, nhưng anh T không có mặt theo giấy triệu tập, sau đó anh T có bản trình bày ý kiến và đơn xin xét xử vắng mặt vì lý do bận công việc và đang đi làm ăn xa nên không đến Tòa án giải quyết vụ án được, anh T nhất trí giao con chung Nông Hoàng Đ cho chị O nuôi dưỡng. Vì vậy, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do chị Hà Thị Hồng O cung cấp, thì việc giao con cho chị O được quyền chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung cho đến năm đủ 18 tuổi, xét thấy là phù hợp với quy định của pháp luật và cũng đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu Nông Hoàng Đ. Sau khi ly hôn, anh Nông Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Hà Thị Hồng O không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2.3. Về tài sản chung: Chị Hà Thị Hồng O và anh Nông Văn T đều xác định không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về vay nợ chung: Chị Hà Thị Hồng O và anh Nông Văn T đều xác định không có vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] *Về án phí:* Nguyên đơn chị Hà Thị Hồng O phải chịu án phí theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016.

[4] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Thái Nguyên về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 238; Điều 264; Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Hà Thị Hồng O. Chị Hà Thị Hồng O được ly hôn anh Nông Văn T.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao con chung Nông Hoàng Đ, sinh ngày 17/01/2021 cho chị Hà Thị Hồng O trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung cho đến năm đủ 18 tuổi. Sau khi ly hôn anh Nông Văn T có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Hà Thị Hồng O không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về vay nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

5. Về án phí: Chị Hà Thị Hồng O phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm do chị Hà Thị Hồng O đã nộp theo biên lai số 0000262 ngày 17 tháng 7 năm 2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên, xác nhận chị Hà Thị Hồng O đã nộp đủ số tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự Nguyên đơn Hà Thị Hồng O, bị đơn Nông Văn T đều vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên (01b);
- VKSND tỉnh Thái Nguyên (01b);
- VKSND khu vực 6 - Thái Nguyên (03b);
- Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên (01b);
- UBND xã Thanh Thịnh (Nơi ĐKKH:01b);
- Các đương sự (02b);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Lan Anh

